

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05 - 35
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
- Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08 - 09
- Thuyết minh báo cáo tài chính niên độ	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

I. KHÁI QUÁT CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ, tên tiếng nước ngoài là Phu My Water Supply Joint Stock Company, là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp cấp nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu theo quyết định số 6023/QĐ.UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500677525 ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 499.998.320.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 : 499.998.320.000 VND

Trụ sở chính tại: Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 30/06/2023 là 66 người (tại ngày 31/12/2022 là 67 người)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước./.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2023 là 34.354.111.737 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2022 lợi nhuận sau thuế là 48.665.677.312 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2023 là 45.290.734.774 VND (Tại thời điểm 31/12/2022 lợi nhuận chưa phân phối là 75.166.906.968 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty trong kỳ gồm:

Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên
Ông Phạm Tấn Luận	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty trong kỳ gồm:

Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ gồm:

Bà Lê Minh Đức	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Châu Thị Thúy Anh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Kế toán trưởng

Bà Vũ Thị Như Trang

Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Ông Đinh Chí Đức

Chủ tịch HĐQT

Ông Phạm Tấn Luận

Giám đốc

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023.

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2023

TM. Ban Giám đốc



Phạm Tấn Luận

Giám đốc



Số: 54/2023/BCSX/SV-VP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ, được lập ngày Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Chuẩn

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1214-2023-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số: B01a-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.201.468.454	101.707.447.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.269.451.955	52.266.074.629
Tiền	111		4.269.451.955	46.266.074.629
Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.615.420.393	38.437.537.822
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.789.214.670	23.466.334.522
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.313.117.425	13.479.093.465
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.115.000.000	1.115.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.398.088.298	377.109.835
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	15.168.203.370	7.377.109.395
Hàng tồn kho	141		15.168.203.370	7.377.109.395
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.148.392.736	3.626.725.337
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.148.392.736	3.626.725.337
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		550.999.190.805	542.708.279.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		404.704.339.323	392.046.723.550
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	403.815.381.022	391.016.515.243
- Nguyên giá	222		619.484.573.933	586.767.388.583
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(215.669.192.911)	(195.750.873.340)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	888.958.301	1.030.208.307
- Nguyên giá	228		2.141.198.176	2.141.198.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.252.239.875)	(1.110.989.869)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	37.107.979.861	42.149.983.456
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		37.107.979.861	42.149.983.456
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	102.578.525.900	102.578.525.900
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		82.500.000.000	82.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.078.525.900	20.078.525.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.608.345.721	5.933.046.226
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	6.608.345.721	5.933.046.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		699.200.659.259	644.415.726.315

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số: B01a-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		109.257.660.875	69.396.555.737
I. Nợ ngắn hạn	310		109.257.660.875	69.396.555.737
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.197.606.348	16.410.496.933
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		161.345.409	14.446.860
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.679.230.950	2.062.126.248
Phải trả người lao động	314		3.460.031.831	4.459.189.454
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	661.560.231	412.290.894
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	60.015.040.997	248.214.189
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	-	39.910.393.450
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.082.845.109	5.879.397.709
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		589.942.998.384	575.019.170.578
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	589.942.998.384	575.019.170.578
Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.998.320.000	469.998.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.998.320.000	469.998.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		32.029.950.000	17.229.950.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.623.993.610	12.623.993.610
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.290.734.774	75.166.906.968
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.936.623.037	9.415.751.585
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.354.111.737	65.751.155.383
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		699.200.659.259	644.415.726.315

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu


Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Tô Liên





Vũ Thị Như Trang

Phạm Tấn Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số: B02a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	166.251.368.163	180.750.601.875
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		166.251.368.163	180.750.601.875
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	113.182.742.782	126.636.001.805
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.068.625.381	54.114.600.070
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	954.227.422	19.265.444.577
Chi phí tài chính	22	VI.4	267.726.184	333.883.526
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		267.726.184	333.883.526
Chi phí bán hàng	25	VI.7	5.557.301.690	7.863.511.884
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.562.780.859	13.182.137.843
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		35.635.044.070	52.000.511.394
Thu nhập khác	31	VI.5	4.152.845.329	185.354.793
Chi phí khác	32	VI.6	955.189.126	214.636.382
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.197.656.203	(29.281.589)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.832.700.273	51.971.229.805
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.478.588.536	3.305.552.493
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		34.354.111.737	48.665.677.312
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		655	1.142

Người lập biểu



Trần Tô Liên

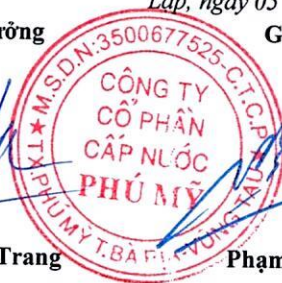
Kế toán trưởng



Vũ Thị Như Trang

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



Phạm Tấn Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023*

Mẫu số: B03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		38.832.700.273	51.971.229.805
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.059.569.577	18.362.714.631
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(954.227.422)	(18.929.896.745)
- Chi phí lãi vay	06		267.726.184	333.883.526
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		58.205.768.612	51.737.931.217
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		8.647.347.563	6.139.495.721
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(7.791.093.975)	(1.635.305.833)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		15.064.344.216	(38.211.668.326)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(675.299.495)	554.221.076
- Tiền lãi vay đã trả	14		(267.726.184)	(317.708.607)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(4.001.718.095)	(3.278.083.014)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		69.181.622.642	14.988.882.234
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(27.675.181.755)	(30.919.680.404)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	27.272.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(175.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		607.329.889	18.661.196.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.067.851.866)	(12.406.211.077)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		44.800.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		12.000.000.000	100.919.227.750
Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.910.393.450)	(75.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.889.606.550	25.919.227.750
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		17.003.377.326	28.501.898.907
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	52.266.074.629	7.126.220.855

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số: B03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	69.269.451.955	35.628.119.762

Người lập biểu



Trần Tố Liên

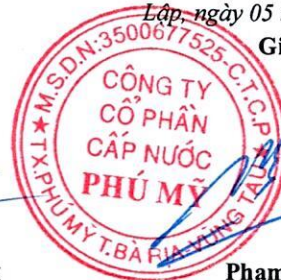
Kế toán trưởng



Vũ Thị Như Trang

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



Phạm Tấn Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số: B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ, tên tiếng nước ngoài là Phu My Water Supply Joint Stock Company, là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp cấp nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu theo quyết định số 6023/QĐ.UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500677525 ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 499.998.320.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023: 499.998.320.000 VND

Trụ sở chính tại: Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 30/06/2023 là 66 người (tại ngày 31/12/2022 là 67 người)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:
Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước./.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ: Đơn vị sử dụng trong ghi chép và hạch toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Viện áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, XGCB dở dang, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư.

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc bắt đầu kể từ ngày phát sinh khoản đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành. Được thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên định kỳ hàng năm.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm sản xuất trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh chính...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

19. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	47.981.926	179.948.569
Tiền gửi ngân hàng	4.221.470.029	46.086.126.060
+ Tiền gửi (VND)	4.221.470.029	46.086.126.060
Các khoản tương đương tiền	65.000.000.000	6.000.000.000
+ Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	65.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	<u>69.269.451.955</u>	<u>52.266.074.629</u>

Chi tiết tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng:

- Theo các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng có thời hạn dưới 03 tháng tính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, lãi suất 0,2% - 5,0%/năm.

2 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP	30.000.000.000	-
Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi suất 6,8%/năm		
Cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
2.1. Ngắn hạn	24.789.214.670	23.466.334.522
Công ty ĐT và KT HT KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1	2.190.948.375	2.655.123.450
Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa	10.568.709.630	9.432.438.008
Chi nhánh Tổng Công ty Idico - CTCP tại miền Đông	4.958.475.585	5.891.747.505
Công ty TNHH Posco - Việt Nam	995.229.375	725.550.000
Công ty TNHH Posco SS Vina	689.128.125	792.316.875
Công ty CP Sonadezi Long Bình	836.204.985	-
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	2.365.909.875	1.253.255.588
CN Công ty TNHH Tiến Hùng - KCN Mỹ Xuân B	669.679.500	902.244.000
Các đối tượng khác	1.514.929.220	1.813.659.096
2.2. Phải thu của khách hàng các bên liên quan		
Cộng	<u>24.789.214.670</u>	<u>23.466.334.522</u>

4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
3.1. Ngắn hạn	2.313.117.425	3.156.918.713
Công ty CP Tư vấn Đầu tư - XD - XNK Hưng Thịnh Phát	1.604.304.418	2.052.467.706
Công ty TNHH Đo Đặc Bán Đồ Và Xây Dựng Bình Minh	649.813.007	649.813.007
Các đối tượng khác	59.000.000	454.638.000
3.2. Trả trước của khách hàng là các bên liên quan	-	10.322.174.752
XN Xây Lắp - CN Công ty CP Cấp nước BR-VT	-	1.222.174.752
Công ty CP Cấp nước Châu Đức	-	9.100.000.000
Cộng	<u>2.313.117.425</u>	<u>13.479.093.465</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1 Ngắn hạn	1.398.088.298	-	377.109.835	-
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	346.897.533	-	8.334.795	-
Tạm ứng	921.591.311	-	160.000.000	-
<i>Nguyễn Tấn Long</i>	240.000.000	-	-	-
<i>Phan Viết Sỹ</i>	231.459.951	-	-	-
<i>Ngô Đức Tuấn</i>	280.404.897	-	-	-
<i>Châu Thị Thúy Anh</i>	150.000.000	-	-	-
<i>Nguyễn Tiến Vy</i>	-	-	90.000.000	-
<i>Trần Văn Đức</i>	-	-	70.000.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	19.726.463	-	-	-
- BHXH phải thu lại nhân viên	55.923.000	-	57.813.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	73.676.454	-	150.962.040	-
5.2 Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.398.088.298	-	377.109.835	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.168.203.370	-	7.253.799.635	-
Hàng hóa	-	-	123.309.760	-
Cộng	15.168.203.370	-	7.377.109.395	-

7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**7.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn****7.2. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sửa chữa tài sản cố định	14.700.000	-
<i>Sửa chữa các hệ thống tuyến ống</i>	14.700.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang	37.093.279.861	42.149.983.456
<i>Các công trình tuyến ống</i>	37.093.279.861	42.149.983.456
Cộng	37.107.979.861	42.149.983.456

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	61.963.822.571	28.455.171.947	483.982.861.710	12.365.532.355	586.767.388.583	
Số tăng trong năm	-	-	32.717.185.350	-	32.717.185.350	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	32.717.185.350	-	32.717.185.350	
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	61.963.822.571	28.455.171.947	516.700.047.060	12.365.532.355	619.484.573.933	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	25.119.535.309	17.010.865.838	149.397.838.961	4.222.633.232	195.750.873.340	
Số tăng trong kỳ	1.640.063.310	1.113.780.351	16.573.367.670	591.108.240	19.918.319.571	
- Khấu hao trong kỳ	1.640.063.310	1.113.780.351	16.573.367.670	591.108.240	19.918.319.571	
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	26.759.598.619	18.124.646.189	165.971.206.631	4.813.741.472	215.669.192.911	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	36.844.287.262	11.444.306.109	334.585.022.749	8.142.899.123	391.016.515.243	
Tại ngày cuối kỳ	35.204.223.952	10.330.525.758	350.728.840.429	7.551.790.883	403.815.381.022	

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

43.307.108.213

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	180.000.000	1.961.198.176	2.141.198.176
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	180.000.000	1.961.198.176	2.141.198.176
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	61.000.000	1.049.989.869	1.110.989.869
Số tăng trong kỳ	6.000.000	135.250.006	141.250.006
- Khấu hao trong kỳ	6.000.000	135.250.006	141.250.006
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	67.000.000	1.185.239.875	1.252.239.875
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	119.000.000	911.208.307	1.030.208.307
Tại ngày cuối kỳ	113.000.000	775.958.301	888.958.301

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm này đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

708.698.176 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	
<i>a. Đầu tư vào công ty con</i>	-	-	-	-	-
<i>b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	82.500.000.000	-	82.500.000.000	82.500.000.000	82.500.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (i)	82.500.000.000	-	82.500.000.000	82.500.000.000	82.500.000.000
<i>c. Đầu tư vào các đơn vị khác</i>	20.078.525.900	-	20.078.525.900	20.078.525.900	20.078.525.900
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	20.078.525.900	-	20.078.525.900	20.078.525.900	20.078.525.900
Cộng	102.578.525.900	-	102.578.525.900	102.578.525.900	102.578.525.900

Ghi chú:

(i) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500823617, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 24 tháng 08 năm 2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức 82.500.000.000 VND, số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 10.312.500 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 20,63% vốn điều lệ, tương ứng 20,63% quyền biểu quyết.

(ii) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101386, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 26 tháng 10 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu 20.078.525.900 VND, số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 4.560.638 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,07% vốn điều lệ, tương ứng với 5,07% quyền biểu quyết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
11.1. Ngắn hạn		
11.2. Dài hạn		
Chi phí sản xuất	1.302.190.476	672.000.000
Chi phí sửa chữa	1.296.632.876	1.825.767.094
Tuyển ống dịch vụ	1.485.636.003	1.790.469.146
Thiết bị quản lý	964.458.981	945.073.539
CCDC quản lý	777.266.114	699.736.447
Chi phí lắp mới đồng hồ	742.784.674	-
Chi phí thay bảo hành đồng hồ	39.376.597	-
Cộng	<u>6.608.345.721</u>	<u>5.933.046.226</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
12.1. Ngắn hạn	5.180.741.400	5.180.741.400	2.074.476.283	2.074.476.283
Công ty TNHH Xây dựng SX TMDV Lan Thanh	-	-	1.387.831.104	1.387.831.104
Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên	663.600.000	663.600.000	414.513.750	414.513.750
Công ty TNHH MTV Thương mại DV Kỹ thuật	4.061.860.000	4.061.860.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	115.170.000	115.170.000	-	-
Một số nhà cung cấp khác	340.111.400	340.111.400	272.131.429	272.131.429
12.2 Phải trả người bán là các bên liên quan	33.016.864.948	33.016.864.948	14.336.020.650	14.336.020.650
XN Xây Lắp - CN Công ty CP Cấp nước BR-VT	4.772.534.848	4.772.534.848	-	-
Công ty CP Cấp nước Châu Đức	28.244.330.100	28.244.330.100	14.336.020.650	14.336.020.650
Cộng	<u>38.197.606.348</u>	<u>38.197.606.348</u>	<u>16.410.496.933</u>	<u>16.410.496.933</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ
13.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế GTGT trong nước	-	79.612.147	-	79.612.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.217.654.061	5.361.978.764	4.001.718.095	2.577.914.730
Thuế thu nhập cá nhân	171.952.688	1.619.363.708	1.750.095.261	41.221.135
Thuế tài nguyên	222.271.081	1.373.741.069	1.393.869.531	202.142.619
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt phải nộp	450.248.418	3.101.066.934	2.772.975.033	778.340.319
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.062.126.248	11.538.762.622	9.921.657.920	3.679.230.950

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
14.1 Ngắn hạn	661.560.231	412.290.894
Trích trước chi phí bảo vệ môi trường	77.092.548	74.389.120
Trích trước chi phí lãi vay	-	41.518.809
Trích trước chi phí tiền điện	242.688.013	247.144.870
Trích trước chi phí phải trả khác	341.779.670	49.238.095
Cộng	661.560.231	412.290.894

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
15.1. Ngắn hạn	15.242.597	248.214.189
Kinh phí công đoàn	-	32.628.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.242.597	215.586.189
<i>Phải trả tiền mua cổ phiếu phát hành nộp thừa chờ hoàn lại</i>	-	200.612.600
<i>Các khoản phải trả khác</i>	15.242.597	14.973.589
15.2. Các khoản phải trả khác các bên liên quan	59.999.798.400	-
<i>Phải trả cổ tức cho các cổ đông (i)</i>	59.999.798.400	-
Cộng	60.015.040.997	248.214.189

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 15/06/2023 và Thông báo chốt danh sách Cổ đông để thanh toán cổ tức số 66/TB-CNPM ngày 15/06/2023, mức chi trả 12%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

16.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay Ngân hàng ngắn hạn	-	-	12.000.000.000	51.910.393.450	39.910.393.450	39.910.393.450	
Vay Ngân hàng ngắn hạn - VND	-	-	12.000.000.000	51.910.393.450	39.910.393.450	39.910.393.450	
Vietcombank - CN Vũng Tàu	-	-	12.000.000.000	51.910.393.450	39.910.393.450	39.910.393.450	
Cộng	-	-	12.000.000.000	51.910.393.450	39.910.393.450	39.910.393.450	

Chi tiết khoản vay tại ngày 30/06/2023 như sau:

Số ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối kỳ	Hình thức đảm bảo khoản vay
(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01-2023/HDCVHM/PMW ký ngày 13/02/2023	Vietcombank - CN Vũng Tàu	04 tháng	Được ghi trên từng giấy nhận nợ	-	Không có tài sản bảo đảm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	17.285.500.000	9.492.000.000	79.414.071.585	506.191.571.585
- Tăng vốn trong năm trước	69.998.320.000	-	-	(29.998.320.000)	40.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	78.279.129.993	78.279.129.993
- Phân phối lợi nhuận	-	-	3.131.993.610	(52.527.974.610)	(49.395.981.000)
- Giảm khác	-	(55.550.000)	-	-	(55.550.000)
Số dư cuối năm trước	469.998.320.000	17.229.950.000	12.623.993.610	75.166.906.968	575.019.170.578
Số dư đầu năm nay	469.998.320.000	17.229.950.000	12.623.993.610	75.166.906.968	575.019.170.578
- Tăng vốn trong kỳ	30.000.000.000	15.000.000.000	-	-	45.000.000.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	34.354.111.737	34.354.111.737
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(62.999.798.400)	(62.999.798.400)
- Truy thu thuế 2016-2018 theo quyết định 1536/QĐ-XPVPHC	-	-	-	(499.273.588)	(499.273.588)
- Truy thu thuế TNDN năm 2016-2020 theo tờ khai điều chỉnh	-	-	-	(731.211.943)	(731.211.943)
- Giảm khác	-	(200.000.000)	-	-	(200.000.000)
Số dư cuối kỳ	499.998.320.000	32.029.950.000	12.623.993.610	45.290.734.774	589.942.998.384

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 04 năm 2023

- Quỹ đầu tư phát triển	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.000.000.000
- Chia cổ tức bằng tiền	59.999.798.400
Cộng	62.999.798.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác (*)	499.998.320.000	469.998.320.000
17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	469.998.320.000	469.998.320.000
+ Vốn góp tăng trong năm	30.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	499.998.320.000	469.998.320.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-
17.4. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.999.832	46.999.832
+ Cổ phiếu phổ thông	46.999.832	46.999.832
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	3.000.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.999.832	46.999.832
+ Cổ phiếu phổ thông	49.999.832	46.999.832
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.</i>		
17.5. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	12.623.993.610	12.623.993.610
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1.1. Doanh thu		
Doanh thu thành phẩm nước	165.898.237.570	180.418.596.825
Doanh thu thi công lắp đặt	335.113.593	332.005.050
Doanh thu cung cấp vật tư ngành nước	18.017.000	-
Cộng	166.251.368.163	180.750.601.875

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Giá vốn thành phẩm nước	112.809.333.541	126.277.623.270
Giá vốn thi công lắp đặt	331.248.311	358.378.535
Giá vốn cung cấp vật tư ngành nước	42.160.930	-
Cộng	113.182.742.782	126.636.001.805

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Cổ tức được chia	-	19.117.260.400
Lãi tiền gửi và lãi tiền cho vay	954.227.422	148.184.177
Cộng	954.227.422	19.265.444.577

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lãi tiền vay	267.726.184	333.883.526
Cộng	267.726.184	333.883.526

5. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	27.272.727
Phí BVMT được hưởng	280.327.338	158.082.066
Trung tâm phát triển quỹ đất đền bù	3.872.517.991	-
Cộng	4.152.845.329	185.354.793

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

6 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí phạt khai sai và chậm nộp thuế GTGT, TNDN, TNCN theo quyết định 1536/QĐ-XPVPHC	324.178.693	-
Chi phí chậm nộp thuế TNDN năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 theo tờ khai điều chỉnh	341.779.670	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	214.636.382
Chi phí phát sinh cho khoản bồi thường	125.388.267	-
Chi phí bảo vệ môi trường để lại	161.950.621	-
Các khoản khác	1.891.875	-
Cộng	955.189.126	214.636.382

7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
7.1. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.649.794.006	2.497.835.642
Chi phí lắp mới đồng hồ nước cho khách hàng	105.946.115	1.182.014.975
Chi phí lắp mới tuyến ống dịch vụ	684.280.931	583.762.320
Chi phí bảo trì, sửa chữa, di dời	1.475.219.920	892.775.973
Chi phí bảo hành đồng hồ nước	6.036.352	1.613.316.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	502.144.313	335.789.928
Chi phí bằng tiền khác	133.880.053	758.016.853
Cộng	5.557.301.690	7.863.511.884
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	7.820.985.765	8.446.692.945
Chi phí vật liệu quản lý	102.812.500	138.575.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	391.914.962	368.043.029
Chi phí khấu hao TSCĐ	630.347.752	475.217.959
Thuế, phí và lệ phí	61.265.159	108.928.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.266.400.294	1.829.332.791
Chi phí bằng tiền khác	1.289.054.427	1.815.347.180
Cộng	12.562.780.859	13.182.137.843

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.303.302.370	104.567.380.806
Chi phí nhân công	13.947.066.897	15.428.010.591
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.074.696.850	18.362.714.631
Thuế, phí, lệ phí	61.265.159	108.928.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.479.359.562	5.107.147.109
Chi phí bằng tiền khác	3.228.978.051	3.887.109.373
Cộng	131.094.668.889	147.461.290.838

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	
Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm (1)	38.832.700.273	51.971.229.805	
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (2)=(3)+(4)	1.156.614.381	(18.970.072.160)	
Các khoản điều chỉnh tăng (3)	1.156.614.381	147.188.240	
<i>Chi phí không được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>1.156.614.381</i>	<i>147.188.240</i>	
Các khoản điều chỉnh giảm (4)	-	(19.117.260.400)	
<i>Cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, liên kết</i>	<i>-</i>	<i>(19.117.260.400)</i>	
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm (5)=(1)+(2)	39.989.314.654	33.001.157.645	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (6)	7.997.862.931	6.600.231.529	
Chi phí thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác với thuế suất phổ thông (7)	(3.519.274.395)	(3.294.679.036)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN (8)=(1)-(6)-(7)	34.354.111.737	48.665.677.312	
Quyết định số 1536/QĐ-XPVPHC ngày 23/06/2023 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Truy thu thuế GTGT Truy thu thuế TNDN Truy thu thuế TNCN Phạt khai sai 20% Tiền chậm nộp	79.612.147 152.178.285 267.483.156 24.280.438 299.898.255	Công bố thông tin số 76/CNPM ngày 10/07/2023
	823.452.281		

10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	34.354.111.737	48.665.677.312
Các khoản tăng, giảm lợi nhuận	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(3.000.000.000)</i>	<i>(3.000.000.000)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	31.354.111.737	45.665.677.312
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	47.878.285	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	655	1.142

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong kỳ hoạt động 6 tháng năm 2023, Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong kỳ hoạt động 6 tháng năm 2023, Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Từ 01/01/2023</u> <u>đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022</u> <u>đến 30/06/2022</u>
--	---	---

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	12.000.000.000	100.919.227.750
--	----------------	-----------------

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<u>Từ 01/01/2023</u> <u>đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022</u> <u>đến 30/06/2022</u>
--	---	---

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

	51.910.393.450	75.000.000.000
--	----------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

VIII . BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TĂNG THÊM TỪ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với mục đích dự kiến như sau:

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 3.000.000 cổ phiếu. Mục đích phát hành: Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

- Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 4.000.000 cổ phiếu. Mục đích phát hành: Bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Cụ thể là chi trả tiền mua nước cho các đơn vị cung cấp.

- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 3.000.000 cổ phiếu. Mục đích phát hành: Bổ sung nhu cầu vốn thực tế của dự án đầu tư xây dựng công trình "Tuyến ống truyền tải nước sạch D600 đường quy hoạch S - Thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu"

1 . Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ**

- Mã cổ phiếu: PMW

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 3.000.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 2.999.832 cổ phiếu (số cổ phiếu lẻ: 168 cổ phiếu bị hủy bỏ)

- Nguồn vốn phát hành: từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (tại ngày 31/12/2021) trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, còn lại sau khi trả cổ tức đợt cuối năm 2021.

Theo công văn số 8195/UBCK-QLCB ngày 08/12/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2 . Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ**

- Mã cổ phiếu: PMW

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.000.000 cổ phiếu

- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 4.000.000 cổ phiếu

- Số tiền thu được từ đợt chào bán: 40.000.000.000 đồng

Theo công văn số 55/UBCK-QLCB ngày 05/01/2023 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo báo cáo kết quả số 02/BCKQ-CNPM ngày 03/01/2023 của CTCP Cấp nước Phú Mỹ.

- Tình hình sử dụng vốn:

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền huy động được từ đợt chào bán là 40 tỷ đồng để thanh toán tiền nước cho nhà cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

3 . Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược:

- Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ**
- Mã cổ phiếu: PMW
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 3.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 3.000.000 cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 45.000.000.000 đồng

Theo công văn số 2457/UBCK-QLCB ngày 09/05/2023 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo báo cáo kết quả số 01/BCKQ-PHRL ngày 27/04/2023 của CTCP Cấp nước Phú Mỹ.

Tại ngày 30/06/2023, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành như sau:

Dự án "Tuyến ống truyền tải nước sạch D600 đường quy hoạch S - Thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu"

- Chi phí mua vật tư công trình: 3.207.600.000 đồng
- Tổng cộng đã sử dụng: 3.207.600.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

IX . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Thông tin về các bên liên quan****1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên tại (Phụ lục 01 trang 35)

1.2. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Cổ đông lớn đồng thời đơn vị đầu tư
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Cổ đông lớn đồng thời đơn vị đầu tư

Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Công ty CP Cấp nước Châu Đức	Mua thành phẩm nước sản	81.878.930.000	97.312.173.000
	Dịch vụ thi công công trình	10.725.854.569	-
	Cổ tức được chia	-	15.468.750.000
	Cổ tức phải trả	24.207.262.800	14.615.080.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Mua thành phẩm nước sản	-	-
	Dịch vụ thi công công trình	5.449.736.000	-
	Cổ tức được chia	-	3.648.510.400
	Cổ tức phải trả	10.015.276.800	7.103.034.000

Công nợ với các bên liên quan

Cho đến ngày 30/06/2023, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các khoản phải thu

Bên liên quan	Tài khoản	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Cấp nước Châu Đức	Dư nợ 331	-	1.222.174.752
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Dư nợ 331	-	9.100.000.000

Các khoản phải trả

Bên liên quan	Tài khoản	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Cấp nước Châu Đức	331	28.244.330.100	14.336.020.650
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	331	4.772.534.848	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Người lập biểu

Trần Tố Liên

Kế toán trưởng

Vũ Thị Như Trang

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



Phạm Tấn Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

PHỤ LỤC 01: Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

		Đơn vị tính: VND			
Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Tổng cộng
Kỳ trước					
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch HĐQT	-	250.000.000	160.000.000	410.000.000
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên HĐQT	-	210.000.000	120.000.000	330.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	210.000.000	120.000.000	330.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	810.286.400	355.440.000	120.000.000	1.285.726.400
Bà Lê Minh Đức	Trưởng BKS	-	190.000.000	120.000.000	310.000.000
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	759.708.800	319.680.000	80.000.000	1.159.388.800
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	180.000.000	80.000.000	260.000.000
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc kiêm TV HĐQT	1.156.279.600	434.560.000	120.000.000	1.710.839.600
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc kiêm TV HĐQT	1.075.413.200	395.920.000	120.000.000	1.591.333.200
Ông Nguyễn Châu Trục	Phó Giám đốc	917.746.800	267.280.000	-	1.185.026.800
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm TV HĐQT	694.653.600	340.560.000	120.000.000	1.155.213.600
Ông Nguyễn Trọng Hải	Người phụ trách Quản trị	442.623.800	154.280.000	40.000.000	636.903.800
Cộng		5.856.712.200	3.307.720.000	1.200.000.000	10.364.432.200
Kỳ này					
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch HĐQT	-	180.000.000	80.000.000	260.000.000
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên HĐQT	-	150.000.000	60.000.000	210.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	150.000.000	60.000.000	210.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	396.576.000	218.400.000	60.000.000	674.976.000
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	371.790.000	196.000.000	40.000.000	607.790.000
Bà Lê Minh Đức	Trưởng BKS	-	150.000.000	60.000.000	210.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	130.000.000	40.000.000	170.000.000
Bà Châu Thị Thúy Anh	Thành viên BKS	182.000.000	-	20.000.000	202.000.000
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc kiêm TV HĐQT	557.685.000	244.000.000	60.000.000	861.685.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc kiêm TV HĐQT	520.506.000	235.400.000	60.000.000	815.906.000
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	361.004.000	213.600.000	60.000.000	634.604.000
Cộng		2.389.561.000	1.867.400.000	600.000.000	4.856.961.000